|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/TT-BTC |  |  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

 |  |  |
|

|  |
| --- |
|  **Dự thảo 2** |

 |  |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông và Thông tư số 28/2019/TT-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2018/TT-BTC**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Quyết định số 22/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia và Ban An toàn giao thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kinh tế ngành;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2018/TT-BTC) và Thông tư số 28/2019/TT-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2018/TT-BTC (sau đây viết tắt là Thông tư số 28/2019/TT-BTC).*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2018/TT-BTC và Thông tư số 28/2019/TT-BTC**

1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông (sau đây viết tắt là TTATGT).

b) Thông tư này không điều chỉnh đối với các nguồn kinh phí sau:

Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động của Văn phòng Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia và Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao và định mức phân bổ chi quản lý hành chính quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên.

Nguồn kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đấu giá biển số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 176/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đấu giá biển số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng.

a) Ủy ban An toàn giao thông quốc gia;

b) Bộ Xây dựng, Bộ Công an, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Ban An toàn giao thông tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

d) Các lực lượng trực tiếp tham gia đảm bảo TTATGT trực thuộc Bộ Công an, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

đ) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm TTATGT”.

2. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“**Điều 2. Nguồn kinh phí bảo đảm TTATGT

1. Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

2. Các khoản hỗ trợ, viện trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động đảm bảo TTATGT;

3. Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật”.

3. Bãi bỏ khoản 3, điểm b, điểm e khoản 4 Điều 3; điểm đ khoản 3 Điều 4.

4. Sửa đổi điểm a, điểm c và điểm d khoản 3 Điều 4 như sau:

“a) Chi công tác phí, hội nghị, tập huấn triển khai thực hiện nhiệm vụ, công tác bảo đảm TTATGT thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC;

c) Chi khen thưởng theo quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng

d) Chi thăm hỏi, hỗ trợ nạn nhân tai nạn giao thông, gia định nạn nhân bị chết:

Trong các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng: Chi hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/người bị tử vong; không quá 05 triệu đồng/ người bị thương nặng;

Trong dịp Tết Nguyên đán, “Ngày thế giới tưởng niệm các nạn nhân tử vong do tai nạn giao thông”: Chi thăm hỏi không quá 05 triệu đồng/người đối với nạn nhân bị thương nặng, gia đình nạn nhân bị chết do tai nạn giao thông có hoàn cảnh khó khăn.

5. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán kinh phí bảo đảm TTATGT

1. Việc lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán kinh phí bảo đảm TTATGT thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

2. Thông tư này hướng dẫn thêm một số nội dung về lập và phân bổ dự toán:

Hàng năm, cùng với thời gian lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm; các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ bảo đảm TTATGT lập dự toán kinh phí bảo đảm TTATGT và tổng hợp chung vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ, cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; trong đó:

a) Đối với Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia, Bộ Xây dựng

Bộ Xây dựng lập dự toán kinh phí đảm bảo TTATGT, tổng hợp kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo TTATGT của Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia do Văn phòng Ủy ban lập.

b) Đối với địa phương:

Sở Xây dựng, Ban An toàn giao thông các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lập dự toán kinh phí đảm bảo TTATGT theo nhiệm vụ được giao gửi cơ quan tài chính cùng cấp xem xét, tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, để trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí bảo đảm TTATGT phải chi theo nội dung được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trong dự toán chi ngân sách nhà nước đã được giao, đảm bảo đúng chế độ chi hiện hành của nhà nước; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện thanh toán, quyết toán kinh phí hàng năm theo quy định pháp luật hiện hành”. Không bố trí kinh phí thực hiện các nội dung chi theo các quy định khác có trùng lắp với nội dung và phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

6. Thay cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng” tại điểm i khoản 4 Thông tư số 01/2018/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 28/2019/TT-BTC, tiêu đề khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 4, Điều 6 Thông tư số 01/2018/TT-BTC; cụm từ “Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng” tại Điều 6 Thông tư số 01/2018/TT-BTC.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Văn phòng Chính phủ;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Tòa án nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;- Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;- KBNN các khu vực;- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;- Công báo, cổng thông tin điện tử Chính phủ; - Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;- Lưu: VT, KTN (200 bản).  | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG** |
|  |  |